

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

NGUYỄN VĂN BẮC. *Động cơ nghiên cứu khoa học của sinh viên Đại học Huế*

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành

Mã số: 62.31.80.05

Trong xu hướng phát triển kinh tế xã hội gắn liền với phát triển khoa học kỹ thuật, nghiên cứu khoa học (NCKH) nói chung và NCKH của sinh viên nói riêng được nhiều trường đại học trên thế giới chú trọng. Việt Nam đang hội nhập với thế giới, đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nền kinh tế tri thức đang được hình thành. Để đáp ứng sự phát triển ấy, nhà trường cần phải giúp người học phát triển một cách toàn diện, sáng tạo, tiếp thu những tư tưởng mới về việc học tập của thời đại, biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống, nghề nghiệp nhằm phát triển ở họ những phương pháp tư duy khoa học, những kỹ năng công nghệ tiên tiến, tác phong công nghiệp hiện đại, tinh thần hợp tác, học hỏi trong nghề nghiệp, có kỹ năng NCKH. Để thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia NCKH, vấn đề quan trọng là hình thành ở họ hứng thú với NCKH, tính tích cực, tinh thần say mê tìm tòi sáng tạo trong học tập và nghiên cứu, đồng thời cần có động cơ NCKH đúng đắn.

Trong tình hình chung, động cơ NCKH của sinh viên nói chung và sinh viên Đại học Huế nói riêng chưa mạnh, mức độ hứng thú, tích cực trong nghiên cứu chưa cao và còn một bộ phận sinh

viên thờ ơ, coi nhẹ NCKH. Vì vậy, việc tìm hiểu động cơ NCKH có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác tổ chức hướng dẫn hoạt động NCKH cho sinh viên, góp phần nâng cao động cơ NCKH ở sinh viên, đồng thời làm phong phú thêm lý luận về động cơ NCKH của sinh viên.

Với những lý do như trên, nghiên cứu sinh Nguyễn Văn Bắc đã lựa chọn vấn đề “*Động cơ NCKH của sinh viên Đại học Huế*” làm đề tài nghiên cứu cho bản luận án của mình.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 3 chương, 12 tiết (169 tr.).

Chương I làm rõ những cơ sở lý luận nghiên cứu về động cơ và động cơ NCKH (tr.9-57).

Tác giả cho rằng, *động cơ NCKH của sinh viên như một hình thức nhận thức có tính chất nghiên cứu nhằm khám phá, sáng tạo, đào sâu, mở rộng vốn hiểu biết, giải quyết các vấn đề thực tiễn và khoa học, và làm khơi dậy tính tích cực trong NCKH và quy định xu hướng tính tích cực đó.*

Dựa trên các quan điểm và cách phân loại động cơ của các nhà tâm lý học đi trước, tác giả cũng đưa ra cách *phân loại các động cơ NCKH của sinh viên* của mình, chia thành ba nhóm cơ bản: *nhóm động cơ nhận thức khoa học* (thúc đẩy sinh viên NCKH nhằm mục đích nhận thức khoa học, là đối tượng của hoạt động NCKH, mà đối tượng này khi được phản ánh vào trong đầu của sinh viên, thúc đẩy sinh viên hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu nhận thức của

chính sinh viên đó); *nhóm động cơ thể hiện* (thúc đẩy sinh viên NCKH nhằm vào mục tiêu thực hiện, đó là kết quả học tập (điểm, xếp loại), sinh viên chứng tỏ sự nổi bật và vượt trội so với sinh viên khác, có cơ hội nghề nghiệp tốt); *nhóm động cơ đối phó* (thúc đẩy sinh viên NCKH nhằm vào mục tiêu là đối phó để tránh những hậu quả không tốt có thể mang lại hay những phán xét bất lợi về năng lực của họ). Bên cạnh đó là *biểu hiện của các loại động cơ NCKH của sinh viên ở một số mặt cơ bản*, như: *định hướng nghiên cứu; tinh thần, thái độ nghiên cứu; hứng thú, say mê với vấn đề nghiên cứu; tính tích cực, tìm tòi, sáng tạo; mức độ gặp giáo viên, trao đổi nhóm; và ý chí, nỗ lực trong nghiên cứu.*

Trong *chương II*, tác giả trình bày *tiến trình thực hiện và phương pháp nghiên cứu* (tr.58-86).

Luận án đã tiến hành khảo sát 900 sinh viên, 87 cán bộ quản lý, giảng viên của các trường Đại học Khoa học (ĐHKH), Đại học Sư phạm (ĐHSP) và Đại học Kinh tế (ĐHKT) thuộc Đại học Huế. Thời gian điều tra chính thức được tiến hành từ tháng 3/2008 đến tháng 5/2008. Tiến trình nghiên cứu thực tiễn thực hiện trong 5 giai đoạn: 1/ lựa chọn và chỉnh sửa trắc nghiệm; 2/ thiết kế các bảng hỏi; 3/ khảo sát thử; 4/ điều tra chính thức; 5/ phân tích dữ liệu thu được.

Để có được kết luận chính xác, tác giả đã đưa ra các cách đánh giá và các tiêu chí đánh giá cụ thể với từng loại kết quả điều tra, như *trắc nghiệm đo động cơ NCKH* (tổng điểm cao nhất ở thang động cơ nhận thức khoa học là 12,6; thang động cơ thể hiện là 10; thang động cơ đối phó là 10 và tổng điểm thấp nhất đạt được ứng với 3 thang trên là 0);

bảng hỏi đo động cơ NCKH của sinh viên (điểm phân loại động cơ NCKH có lực thúc đẩy theo 3 mức: 1/ mức cao là $4 \leq$ điểm trung bình ≤ 5 ; 2/ mức trung bình là $3 \leq$ điểm trung bình ≤ 4 ; 3/ mức thấp là $1 \leq$ điểm trung bình ≤ 3); *thang hỏi về mức độ biểu hiện động cơ NCKH* (điểm phân loại mức độ biểu hiện động cơ NCKH theo 3 mức: 1/ mức cao là $4 \leq$ điểm trung bình ≤ 5 ; mức trung bình là $3 \leq$ điểm trung bình ≤ 4 ; mức thấp là $1 \leq$ điểm trung bình ≤ 3); *thang hỏi về các yếu tố tác động tới động cơ NCKH* (điểm phân loại theo 3 mức độ: 1/ lớn $4 \leq$ điểm trung bình ≤ 5 ; trung bình là $3 \leq$ điểm trung bình ≤ 4 ; thấp là $1 \leq$ điểm trung bình ≤ 3); và *thang đo lựa chọn tình huống trong hoạt động NCKH* (xử lý bằng cách quy hệ số điểm 5, 3, 1: điểm trung bình là $3,5 \leq$ điểm trung bình ≤ 5 thì sinh viên có động cơ gắn với nhận thức khoa học; điểm trung bình là $2,5 <$ điểm trung bình $\leq 3,5$ là chưa rõ động cơ NCKH nào chiếm ưu thế; điểm trung bình $\leq 2,5$ thì sinh viên có động cơ NCKH đối phó).

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu, bao gồm cả định tính và định lượng (thống kê mô tả, thống kê suy luận), trong *chương III* (tr.87-156) tác giả *phân tích kết quả nghiên cứu*, đưa ra các kết luận về động cơ NCKH của sinh viên.

Thứ nhất, về *các loại động cơ NCKH của sinh viên*:

Nhóm động cơ nhận thức khoa học: xếp thứ bậc cao nhất. Trong đó, NCKH nhằm khám phá tìm hiểu tri thức mới và muốn nắm vững, hiểu sâu kiến thức được thúc đẩy ở mức độ cao, còn NCKH để sáng tạo có lực thúc đẩy trung bình. Xét về góc độ trường đại học, động cơ nhận thức khoa học có sự khác biệt,

sinh viên ĐHKT và ĐHKH nghiêng về mong muốn khám phá hiểu biết mới, còn sinh viên ĐHSP nghiêng về nắm vững, hiểu sâu kiến thức vừa học. Về khối lớp, sinh viên năm thứ tư có sự khác biệt với sinh viên năm thứ hai (điểm trung bình là 3,98 và 3,7). Ở góc độ học lực, sinh viên có học lực giỏi/xuất sắc có lực thúc đẩy ở mức độ cao (với 4,19 điểm). Xét về giới tính ít có sự khác biệt, nhóm động cơ nhận thức khoa học của nữ sinh viên có thứ bậc cao hơn sinh viên nam nhưng mức độ không đáng kể (3,91 và 3,83 điểm).

Nhóm động cơ thể hiện: xếp thứ hai. trong đó động cơ NCKH để có cơ hội tốt trong nghề nghiệp và đạt điểm cao trong học tập có thứ bậc cao nhất với điểm trung bình là 3,85 và 3,80, còn các động cơ NCKH khác như muốn vượt trội sinh viên khác, tạo uy tín, được đánh giá cao có lực thúc đẩy thấp với điểm trung bình là < 3 điểm. Ở góc độ trường đại học, giới tính và khối năm học nhóm động cơ thể hiện có mức độ khác biệt không lớn.

Nhóm động cơ đối phó: có thứ bậc thấp nhất. Điều này cho thấy kiến thức và kỹ năng có vai trò quan trọng trong động cơ NCKH của sinh viên. Sinh viên Đại học Huế không coi việc NCKH như là biện pháp đối phó. Xét về góc độ trường đại học và giới tính không có sự khác biệt đáng kể về động cơ đối phó. Về khối năm học, sự khác biệt giữa sinh viên năm thứ hai, thứ ba với năm thứ tư không cao. Ở góc độ học lực, sinh viên có học lực trung bình cao hơn đối với sinh viên có học lực giỏi/xuất sắc và khá.

Có thể nói, các động cơ NCKH của sinh viên Đại học Huế không cố định, mà có sự chuyển hoá cho nhau, tùy

thuộc vào quan điểm chính sách của nhà trường, điều kiện và hoàn cảnh,...

Thứ hai, về mức độ động cơ NCKH, sinh viên Đại học Huế ở mức độ trung bình (3,52 điểm). Tuy nhiên, biểu hiện của từng nội dung động cơ có sự khác biệt. Cụ thể biểu hiện mạnh nhất là việc sinh viên tích cực tìm kiếm tài liệu tham khảo (4,11 điểm), tiếp theo là nêu ra các vấn đề nghiên cứu (3,86 điểm), dành nhiều thời gian nghiên cứu (3,81 điểm), và cuối cùng là nỗ lực hoàn thành các nội dung nghiên cứu theo yêu cầu của giáo viên (3,72 điểm). Một số biểu hiện còn lại ở mức độ trung bình thấp như làm việc căng thẳng với vấn đề nghiên cứu, thường xuyên gặp giảng viên để trao đổi, xin ý kiến. Nhìn từ góc độ trường đại học, mức độ động cơ NCKH có sự khác biệt. Sinh viên ĐHSP có biểu hiện tốt hơn, tiếp đó là sinh viên ĐHKT và ĐHKH. Điều này cho thấy, chính sách, quan điểm của nhà trường có tác động tới động cơ NCKH ở sinh viên. Về khối năm học, mức độ động cơ NCKH giữa năm thứ hai và năm thứ ba, thứ tư có sự chênh lệch đáng kể, còn năm thứ ba và thứ tư ít có sự khác biệt. Như vậy, kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm có ảnh hưởng tới động cơ NCKH của sinh viên. Xét trên kết quả học tập, có sự chênh lệch lớn về mức độ động cơ NCKH giữa nhóm sinh viên có học lực trung bình với nhóm sinh viên có học lực giỏi/xuất sắc. Xét về giới tính không có sự khác biệt về mức độ động cơ.

Thứ ba, phân tích các yếu tố tác động đến động cơ NCKH của sinh viên, tác giả thấy rằng, tất cả các yếu tố đều tác động đến động cơ NCKH của sinh viên nhưng có mức độ khác nhau. Trong đó, yếu tố tâm lý cá nhân tác động mạnh hơn nhóm các yếu tố tâm lý

xã hội. Điều này cho thấy, yếu tố tâm lý sinh viên tác động cơ bản tới động cơ NCKH của sinh viên.

Trong nhóm tâm lý cá nhân, yếu tố ý thức của sinh viên có tác động mạnh nhất (4,18 điểm) và tiếp đến là yếu tố nhu cầu học tập, nghiên cứu, khám phá tác động tích cực tới động cơ NCKH của sinh viên (3,95 điểm). Nhóm tâm lý – xã hội, yếu tố yêu cầu học tập đào tạo có tác động mạnh tới động cơ NCKH (4,14 điểm). Bên cạnh đó, yếu tố bầu không khí thi đua NCKH cũng có tác động tốt tới động cơ NCKH của sinh viên (3,70 điểm). Yếu tố động viên khuyến khích của khoa, trường và giảng viên cũng có ảnh hưởng tích cực tới động cơ NCKH của sinh viên.

Cuối chương này, tác giả đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp tác động nhằm điều chỉnh và tích cực hóa mức độ biểu hiện động cơ nhận thức khoa học của sinh viên.

Trên cơ sở các nội dung nghiên cứu trên, tác giả đưa ra một số kiến nghị mang tính giải pháp như sau:

Đối với các cấp quản lý sinh viên:

- Cần tạo dựng động cơ NCKH ở sinh viên, vì chất lượng NCKH, tính tích cực NCKH của sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào động cơ NCKH của sinh viên;

- Cần xây dựng động cơ nhận thức khoa học ở sinh viên vì đây là động cơ chủ đạo, chính của hoạt động NCKH, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển nhân cách của người chuyên gia có trình độ cao;

- Nhà trường cần kích thích, khơi gợi ở sinh viên nhu cầu học hỏi, khám phá, sáng tạo. Tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện khả năng của bản thân, bởi động cơ thể hiện có chức năng kích thích

cảm xúc tích cực trong NCKH ở sinh viên. Bên cạnh đó, ngăn chặn động cơ NCKH đối phó vì ảnh hưởng tới nhân cách;

- Phát động phong trào thi đua NCKH trong sinh viên, xây dựng bầu không khí, truyền thống NCKH của khoa, trường. Tổ chức các hội nghị NCKH của sinh viên từ lớp học, khoa, trường. Xuất bản các kỷ yếu NCKH của sinh viên. Thành lập các câu lạc bộ học thuật và khoa học;

- Nhà trường cần có những định hướng, kế hoạch và cụ thể hóa các hoạt động NCKH trong sinh viên và xem đó là biện pháp trong đào tạo ra những nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của xã hội;

- Giảng viên cần có định hướng cho sinh viên NCKH, nêu ra các vấn đề nghiên cứu và khuyến khích sinh viên tích cực tìm hiểu, khám phá và có sự động viên khuyến khích. Giảng viên cần nhiệt tình giúp đỡ sinh viên khi họ gặp khó khăn.

Đối với sinh viên: cần nhận thức được NCKH là một hình thức học tập nhằm nâng cao, mở rộng kiến thức, sáng tạo và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp; sinh viên phải không ngừng học tập, tự học, tự đặt ra vấn đề và tích cực tự nghiên cứu. Có sự say mê và có thái độ nghiêm túc trong NCKH, phải xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu của bản thân.

Luận án bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Học viện Khoa học xã hội, tháng 8/2011.

PV.
giới thiệu